

Số: 341/BC-UBND

Tương Dương, ngày 29 tháng 11 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Tam Đình năm 2018**

Căn cứ Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Nông thôn mới giai đoạn 2016- 2020;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; Địa phương hoàn thành xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

QĐ số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ NN&PTNT ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí QG về xã NTM GD 2016-2020;

Quyết định số 6076/QĐ-UBND ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2020.

Quyết định số 1166/QĐ - UBND ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn Nông thôn mới tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2017 - 2020.

Quyết định 1579/QĐ-UBND ngày 21/12/2011 về việc phê Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tam Đình giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 27/12/2012 của UBND huyện Tương Dương về việc Phê duyệt Đề án xây dựng NTM xã Tam Đình, huyện Tương Dương;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Tam Đình tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 16/11/2018 về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Tam Đình, UBND huyện Tương Dương báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã Tam Đình năm 2018, cụ thể như sau:

#### **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra từ ngày 17/11/2018 đến ngày 29/11/2018.

**1. Về hồ sơ:** Đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu, gồm:

- Tờ trình số 65/TTr-UBND, ngày 16/11/2018 của UBND xã đề nghị UBND huyện thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

- Công văn đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

- Báo cáo số 82/BC-UBND ngày 25/10/2018 của UBND xã Tam Đình về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã đến tháng 10 năm 2018.

- Báo cáo 89/BC-UBND ngày 15/11/2018 của UBND xã Tam Đình về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Báo cáo 90/BC-UBND ngày 15/11/2018 của UBND xã Tam Đình về việc tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã.

- Biên bản cuộc họp ngày 16/11/2018 của UBND xã Tam Đình về việc đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

## **2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

### **1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch:**

#### *a. Yêu cầu của tiêu chí:*

Có quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn. Đạt

Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch. Đạt

#### *b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới xã Tam Đình lập quy hoạch tổng thể xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020 đã được UBND huyện Tương Dương phê duyệt theo Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2011. Trên cơ sở Quy hoạch được phê duyệt, Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã đã tiến hành tiến hành công bố công khai quy hoạch tại các bản, tại trụ sở UBND xã và triển khai hội nghị phổ biến quy hoạch. *Đạt nội dung tiêu chí.*

Xây dựng quy chế quản lý quy hoạch và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo nội dung được phê duyệt, nội dung từng tiêu chí nông thôn mới. Tổ chức cắm mốc chỉ giới các tuyến đường xã, đường thôn xóm, đường nội đồng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Quản lý và sử dụng quy hoạch được đảm bảo. *Đạt nội dung tiêu chí*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 290 triệu đồng.

#### *c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

### **2. Tiêu chí số 2 - Giao thông.**

#### *a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. (UBND tỉnh quy định đạt 100%).

- Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản, áp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm. (UBND tỉnh quy định đạt  $\geq 50\%$ ).

- Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa. (UBND tỉnh quy định tỷ lệ km đạt 100%, (cứng hóa  $\geq 50\%$ )).

- Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. (UBND tỉnh quy định đạt  $\geq 50\%$ ).

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Đường trục xã, liên xã: Đường xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện dài 27,5 km (Gồm đường Quốc lộ 7A, 48C và đường xã từ bản Quang Yên đến Đình Phong) đã được nhựa hóa 27,5km. Đạt 100% theo nội dung tiêu chí

Đường liên bản gồm: Tuyến đường từ cầu Huổi Nguyên đến bản Đình Hương dài 8km, chiều rộng nền đường 5m, mặt đường bê tông 3,5m. Tuyến đường đã được bê tông bằng xi măng đạt 100%. Đạt nội dung của tiêu chí

*Đạt 100% nội dung tiêu chí:*

Đường trục bản gồm các tuyến: Tuyến trục chính tại bản Quang Phúc tổng 1,378 km, bê tông 1,378 km đạt 100%; Tuyến trục chính bản Quang Yên 1,616 km, bê tông 1,616 km đạt 100%; Tuyến trục chính bản Quang Thịnh 2,323km, bê tông hóa 2,323 km đạt 100%; Tuyến trục chính bản Đình Phong 1,046km, bê tông hóa 0,676 km đạt 64,6%; Tuyến trục chính bản Đình Tiến 0,958km, bê tông hóa 0,958 km đạt 100%; Tuyến trục chính bản Đình Thắng 1,930km, bê tông hóa 1,540 km đạt 79,8%; Tuyến trục chính bản Đình Hương 0,682km, bê tông hóa 0,682 đạt 100%; Tổng chiều dài đường trục chính thôn bản đã bê tông hóa 9,173/9,933 km, đạt 92,3%. Đạt nội dung của tiêu chí.

Đường ngõ xóm gồm các tuyến: Tuyến trục ngõ xóm tại bản Quang Phúc tổng 2,736km, bê tông hóa 2,308km đạt 84,4%; Tuyến trục ngõ xóm bản Quang Yên 1,068km, bê tông hóa 100%; Tuyến trục ngõ xóm bản Quang Thịnh 1,043km, bê tông hóa đạt 100%; Tuyến trục ngõ bản Đình Phong 1,326 km, bê tông hóa 0,778km đạt 58,7%; Tuyến trục ngõ xóm bản Đình Tiến 0,797km, bê tông hóa 0,632km đạt 79,3%; Tuyến trục ngõ xóm bản Đình Thắng 0,975km, bê tông hóa đạt 100%; Tuyến trục ngõ xóm bản Đình Hương 1,375km, bê tông hóa 1,019km đạt 74,1%. Tổng chiều dài đường ngõ xóm thôn bản đã bê tông hóa 7,558/9,32 km, đạt 81,1%. Đạt nội dung của tiêu chí.

Đường trục chính nội đồng: Trên địa bàn xã có 3 thôn bản có ruộng nước (Quang Phúc, Quang Yên và Quang Thịnh), tại 2 bản Quang Phúc và Quang Thịnh đã vận động nhân dân hiến đất, hiến ruộng để làm đường nội đồng: Bản Quang Thịnh đường nội đồng dài 240m, đã bê tông hóa 100%, loại đường 3m; Bản Quang Phúc đường rộng 3,5 m, dài 220m và đã bê tông được 60m loại đường 2 m). Có 0.46/0.46 km đường nội đồng được nhân dân đào đắp đảm bảo vận chuyển hàng nông sản thuận tiện quanh năm, đạt 100%.

*Đạt nội dung của tiêu chí.*

\* **Tổng kinh phí thực hiện: 13.957 triệu đồng** (Bao gồm: Nhân dân đóng tiền mặt và hiến đất, công, cây cối hoa màu... quy ra tiền)

+ Nhân dân hiến đất: 7.536 m<sup>2</sup> đất

+ Hiến hàng rào tạm 2.370 m

+ Tổng số xi măng đã nhận 1.394 tấn

+ Tổng ngày công huy động để thực hiện: 70.968 công

+ Hiến cây: 5.131 cây cối các loại

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

### **3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi.**

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên. (UBND tỉnh quy định có tối thiểu 80% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu và chủ động).

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ. Đạt

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Xã có tổng diện tích lúa nước 75,7 ha, tập trung chủ yếu 3/7 bản, những bản có diện tích lúa nước như bản Quang Phúc, Quang Yên, Quang Thịnh, còn các bản khác như Đình Phong, Đình Thắng ruộng nước rải rác không tập trung do các hộ gia đình tự khai hoang. Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp được lấy từ các khe: Khe Cờ (67,3 ha), Khe Nhuông (1,8 ha), Khe Vĩ (6,6ha). Hệ thống tưới tiêu tự chảy.

Nguồn nước tưới của xã được cung cấp từ 5 đập chính đó là 2 đập tràn bản Quang Phúc, 02 đập tràn bản Quang Yên, 1 đập tràn bản Quang Thịnh.

Toàn xã có 12,9 km kênh mương, trong đó đầu tư bê tông xi măng được 10,2 km đạt tỷ lệ 79,1%. Hàng năm tiếp tục sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí để nâng cấp tu sửa hệ thống kênh mương, đảm bảo tưới tiêu phục vụ cho 75,7 ha ruộng nước. Toàn xã có 12,9 km kênh mương, trong đó đầu tư bê tông xi măng được 10,2 km đạt tỷ lệ 79,1%. Hàng năm tiếp tục sử dụng nguồn kinh phí thủy lợi phí để nâng cấp tu sửa hệ thống kênh mương, đảm bảo tưới tiêu phục vụ cho 75,7 ha ruộng nước. Như vậy kênh mương cơ bản đã được kiên cố hóa và đảm bảo nguồn nước tưới tiêu chủ động cho 75,7 ha diện tích ruộng nước, đạt tỷ lệ 100%.  
*Đạt nội dung của tiêu chí*

Nhìn chung hệ thống tưới tiêu thủy lợi trên địa bàn xã tương đối hoàn chỉnh, mạng lưới kênh mương được bố trí hợp lý, đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, đồng thời đảm bảo các quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ. Hàng năm công tác duy tu bảo dưỡng được tiến hành thường xuyên. Tại các công trình thủy lợi đều có ban quản lý bản, quản lý chung và hợp đồng người dân trong bản làm bảo vệ điều tiết nguồn nước tưới tiêu phù hợp. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 4.277,572 triệu đồng.

c. **Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.**

#### **4. Tiêu chí số 4 - Điện.**

a. *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Hệ thống điện đạt chuẩn: Đạt

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Đạt 98%

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hiện trạng hệ thống điện của xã được xây dựng hợp lý, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, đã có 6 trạm biến áp có tổng công suất 425 KVA (Trạm Quang Phúc công suất 100 KVA, trạm Quang Yên 100 KVA, trạm Đình phong 50 KVA, trạm Đình Tiến 50 KVA, trạm Đình Thắng 75 KVA, trạm Đình Hương 50 KVA, đảm bảo cho 7/7 bản được dùng điện, đáp ứng dùng điện thường xuyên, an toàn đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. *Đạt nội dung của tiêu chí*

Có 100% số hộ được dùng hệ thống điện lưới Quốc gia, 100% hộ dân dùng điện thường xuyên, 100% số hộ được dùng điện an toàn. Cơ bản đảm bảo an toàn hành lang lưới điện, phát huy hiệu quả và sử dụng tiết kiệm điện, không để xảy ra tình trạng cháy, chập điện, thiệt hại tính mạng về điện, tỷ lệ hao tổn điện năng giảm qua từng năm. *Đạt nội dung của tiêu chí*

Tại trung tâm UBND xã đoạn qua bản Quang Yên đang lắp hệ thống đèn đường chiếu sáng phục vụ nhu cầu phát triển của người dân.

\* Tổng kinh phí thực hiện: 1.947,398 triệu đồng

c. **Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.**

#### **5. Tiêu chí số 5 - Trường học.**

a. *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ trường học các cấp: Mẫu giáo; Tiểu học; THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia (80%).

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Trên địa bàn xã có 3 trường thuộc 3 cấp học, cụ thể: 01 trường mẫu giáo, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở. Trong đó có 3/3 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 100% (*Đạt nội dung tiêu chí*). Cụ thể:

\* **Trường Mầm Non Tam Đình:** Gồm có 7 điểm trường (1 điểm trường chính và 6 điểm trường lẻ), có 13 phòng học (trong đó 13 phòng học đảm bảo, 0 phòng học tạm), 27 cán bộ giáo viên; 100% cán bộ giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó tỷ lệ trên chuẩn là 74%. Nhà trường có 2 nhóm trẻ với 39 cháu, có 11 lớp mẫu giáo với 259 học sinh. Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 4.994.m<sup>2</sup>, bình quân 16,7 m<sup>2</sup>/học sinh. Các điểm trường đặt tại trung tâm các bản, thuận lợi cho trẻ đến trường và đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường. Trường

được xây dựng bố trí đầy đủ, hợp lý từ phòng hiệu vụ, phòng âm nhạc, khu vệ sinh cho trẻ, khu trẻ chơi, phòng sinh hoạt chung. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

\* **Trường Tiểu học Tam Đình:** Gồm có 6 điểm trường (1 điểm chính ở Quang Yên, và 5 điểm trường lẻ) với 23 lớp, 412 học sinh, 44 cán bộ, giáo viên; 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó tỷ lệ trên chuẩn là 91%; Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 8.000 m<sup>2</sup>, bình quân 19,5m<sup>2</sup>/học sinh. Tổng số các phòng học là 24 phòng, đảm bảo bàn ghế trang thiết bị phục vụ dạy và học. Có đầy đủ các phòng chức năng theo quy định. Nhà trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2014. Hàng năm nhà trường đều bổ sung hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn, tiêu chí để công nhận lại đạt chuẩn 1 đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

\* **Trường THCS Tam Đình:** Gồm có 8 phòng học, có 210 học sinh, có 23 cán bộ, giáo viên; 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo theo quy định, trong đó tỷ lệ trên chuẩn là 8,7 %. Tổng diện tích khuôn viên nhà trường là 7.548,2 m<sup>2</sup>, bình quân 35,9 m<sup>2</sup>/1 học sinh, được bố trí hợp lý. Sân chơi, bãi tập với diện tích hơn 3.700 m<sup>2</sup> phục vụ cho các hoạt động thể dục, thể thao của học sinh và giáo viên (trong đó diện tích sân chơi 1.700m<sup>2</sup>). Năm 2018 nhà trường đã tham mưu UBND xã, phòng GD&ĐT, UBND huyện Tương Dương hỗ trợ và cấp kinh phí xây dựng bổ sung một số cơ sở hạ tầng, những hạng mục còn thiếu, mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học dùng cho giáo viên và học sinh, thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe của học sinh... Hiện nay, các tiêu chuẩn, tiêu chí trường học chuẩn Quốc gia tại trường THCS Tam Đình đã đạt chuẩn, nhà trường đã hoàn tất hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền công nhận trường học đạt chuẩn Quốc gia theo tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ giáo dục và đào tạo. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

Tổng kinh phí thực hiện: 6.197,269 triệu đồng

c. **Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.**

## **6. Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa.**

a. *Yêu cầu của tiêu chí:*

Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã. (Theo Quyết định 1166/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An quy định như sau: Diện tích đất quy hoạch: Khu hội trường văn hóa đa năng >200m<sup>2</sup>; Khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động) >500 m<sup>2</sup>; Diện tích sân vận động (không tính diện tích sân khác) >40 x 50m; Quy mô xây dựng: Hội trường văn hóa đa năng 100 chỗ ngồi trở lên, có 4 phòng chức năng; Trang thiết bị: Hội trường văn hóa đa năng có đủ bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh: Đạt 80% trở lên; Sân vận động có bờ kè, bờ bao, hệ thống thoát nước và sân khấu ngoài trời mặt sân: Đảm bảo).

Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. (Quy định của UBND tỉnh: Tính tổng gộp trong nội dung gắn liền trong mục cơ sở vật chất văn hóa của Trung tâm văn hóa xã: Đạt)

Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng. Đạt 100%

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Do điều kiện thực tế của địa phương xã quy hoạch địa điểm UBND xã và nhà văn hóa xã tại 2 địa điểm khác nhau. Tổng diện tích khuôn viên nhà văn hóa diện tích 1.145,4m<sup>2</sup> trong đó được bố trí như sau: Nhà hội trường văn hóa xã có diện tích xây dựng là 258,6 m<sup>2</sup>, đảm bảo 150 chỗ ngồi và các trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu hội họp trong toàn xã, có bố trí phòng trực phát thanh, phòng đọc sách để phục vụ nhân dân cập nhập thông tin; Phòng Hành chính được bố trí tại nhà làm việc của Ban văn hóa xã; Phòng sinh hoạt câu lạc bộ được bố trí tại hội trường Nhà văn hóa phù hợp với thực tiễn và nhu cầu sinh hoạt. Hội trường văn hóa xã được bố trí đầy đủ bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh để phục vụ nhu cầu hội họp; sân bóng chuyền trong khuôn viên của nhà văn hóa xã với diện tích 492,2 m<sup>2</sup>, sân khấu ngoài trời với diện tích 137,7 m<sup>2</sup> đảm bảo các hoạt động văn hóa vừa và nhỏ; Khu thể thao xã được xây dựng 6.000m<sup>2</sup> có tường rào bê tông bao quanh, với hệ thống sân khấu, khán đài ngoài trời, sân bóng đá phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao xã nhà. Đạt tiêu chí theo quy định của Bộ VH-TT-DL. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

Do địa hình phức tạp để phù hợp với điều kiện của từng bản nên UBND xã đã bố trí 7/7 bản có diện tích sân tập thể thao đơn giản với diện tích từ 300m<sup>2</sup> trở lên đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thể thao, vui chơi, giải trí cho người dân trong bản. Đối với những hoạt động mang tính rộng rãi trong toàn xã thì được tổ chức tại sân vận động xã. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

7/7 thôn bản đã có nhà văn hóa cộng đồng xây dựng kiên cố với diện tích nhà văn hóa đạt từ 100m<sup>2</sup> trở lên quy mô chỗ ngồi từ 80 chỗ ngồi trở lên, sân khấu hội trường 25m<sup>2</sup>, các nhà văn hóa đều được trang bị đầy đủ các thiết bị bên trong như: Bộ lễ nghi khánh tiết, loa máy, âm thanh, truyền thanh phục vụ nghe, nhìn và các hoạt động văn hóa, văn nghệ của bản, bố trí đầy đủ bàn, ghế đáp ứng yêu cầu các hoạt động trong bản. Hàng năm các nhà văn hóa thu hút trên 80% dân số trên địa bàn xã tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục - thể thao và các hoạt động khác do chính quyền địa phương phát động. Mỗi bản đều được bố trí sân thể thao có diện tích từ 300m<sup>2</sup> trở lên đáp ứng nhu cầu thể thao cho nhân dân trong bản. *Đạt 100% theo nội dung của tiêu chí.*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 6.570,645 triệu đồng.

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

**7. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.**

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Xã có nơi mua bán, trao đổi hàng hóa. Đạt (UBND tỉnh quy định đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BTC ngày 08/12/2016 của Bộ Công Thương).

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Do nhu cầu của nhân dân địa phương chưa cần xây dựng khu mua bán tập trung, nhân dân có thể buôn bán, trao đổi hàng hoá qua các cửa hàng tạp hoá nhỏ lẻ hộ gia đình ở các bản. Hiện nay xã đã quy hoạch vị trí để khi có nhu cầu xây chợ. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

## **8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông.**

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Xã có điểm phục vụ bưu chính. *(Quy định của UBND tỉnh: mỗi xã có ít nhất một điểm bưu chính).*

- Xã có dịch vụ viễn thông Internet. *(Quy định của UBND tỉnh: Tất cả các thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông và internet, hoặc có ít nhất một điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại internet).*

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn. *(Quy định của UBND tỉnh: Có 100% Đài truyền thanh xã và hệ thống loa đến các thôn, trong đó: các xã khu vực 2, khu vực 3, các xã đặc biệt khó khăn: Có 70% thôn có hệ thống loa kết nối đến Đài truyền thanh xã. Các thôn còn lại có hệ thống loa Truyền thanh riêng).*

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. *(Quy định của UBND tỉnh: Có trang thông tin điện tử của xã để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội có máy tính kết mạng LAN, internet băng rộng phục vụ công tác; Các trường học, Trạm y tế có máy tính kết nối internet băng rộng để phục vụ công tác giảng dạy khám chữa bệnh; Có ít nhất 2/3 cán bộ, công chức xã theo quy định sử dụng máy trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ).*

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Xã có 1 điểm bưu điện văn hóa tại khu vực trung tâm xã tại bản Quang Yên Cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông trên địa bàn. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

Tại xã đã có hệ thống mạng điện thoại VINAPHONE, VIETTEL có thể kết nối Internet không dây, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập Internet của cán bộ cũng như các hộ gia đình, cá nhân của 7/7 bản. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

Có 3/7 bản bao gồm: Bản Quang Phúc, bản Quang Yên, bản Quang Thịnh có hệ thống loa được kết nối với hệ thống phát thanh của xã thường xuyên đảm bảo phủ sóng truyền thanh. Thuận lợi trong công tác tuyên truyền, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của nhân dân, từ đó nhân dân, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng và Nhà nước, triển khai các nội dung công việc của UBND xã đến tận mọi người dân một cách thuận lợi. Đối với 4 bản còn lại: Bản Đình Phong, bản Đình Tiến, bản Đình Thắng, bản Đình Hương do cách xa trung tâm xã nên tự bố trí hệ thống truyền thanh riêng để phục vụ nhu cầu của nhân dân. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội có máy tính kết mạng LAN, Internet băng rộng phục vụ công tác thực hiện nhiệm



vụ. Các trường học, Trạm y tế trên địa bàn xã đều sử dụng máy tính và có kết nối Internet băng rộng để phục vụ công tác giảng dạy và khám chữa bệnh; 100% cán bộ, công chức xã đều sử dụng máy trong công tác quản lý, thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 136,565 triệu đồng.

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

### **9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư.**

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Nhà tạm, dột nát (không)
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định (>80%)

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Từ năm 2011 đến năm 2018 thực hiện theo quy định về việc xóa nhà tạm, dột nát, xã đã vận dụng các nguồn hỗ trợ của Chương trình 167, nguồn kinh phí từ chương trình NTM, nguồn hỗ trợ từ Công ty xi măng Việt Nam VIXEM, Công ty TNHH hạt giống CP Việt Nam đã hỗ trợ cho 166 hộ nghèo xây dựng nhà mới xóa nhà tạm bợ, dột nát với tổng số tiền là 2.625.600.000 đồng. Toàn xã hiện nay không còn nhà tạm bợ, dột nát. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

Có 1.015/1.120 hộ có nhà ở từ bán kiên cố trở lên chiếm 90,6% mẫu nhà xây dựng phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc trên địa bàn xã. *Đạt nội dung của tiêu chí*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 2.625,6 triệu đồng

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

### **10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập:**

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2018 đạt  $\geq 30$  triệu đồng (triệu đồng/người/năm).

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Trong những năm qua Đảng ủy, HĐND-UBND, Mặt trận Tổ quốc và các ban ngành đoàn thể xã đã tập trung chỉ đạo cùng sự nỗ lực của nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất hàng hóa, xây dựng các mô hình phát triển kinh tế nâng cao thu nhập. Thông qua các chương trình dự án hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn vốn Nông thôn mới, chương trình 30a, chương trình 135,... hỗ trợ cây giống, con giống, hỗ trợ xây dựng các mô hình.

Trên địa bàn có các mô hình như: Chăn nuôi cá lồng tại bản Đình Phong, Đình Tiến, Đình Thắng; Nuôi lợn thịt tại bản Quang Thịnh; Nuôi dê tại bản Đình Phong, Đình Tiến, Đình Thắng và Đình Hương; Mô hình trồng Ngô đông trên đất 2 lúa tại các bản Quang Phúc, Quang Yên, Quang Thịnh; Triển khai mô hình cải tạo vườn tạp bằng các loại cây ăn quả như: táo, ổi, mít tại bản Quang yên, Quang

Thịnh, Quang Phúc; khai thác hiệu quả diện tích 75.7 ha ruộng lúa nước bằng cách áp dụng máy móc nông nghiệp và sử dụng các loại giống có năng suất, chất lượng.

Bên cạnh đó để đẩy mạnh phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập, trong 8 năm qua các tổ chức tín dụng đã hỗ trợ các hộ dân vay vốn đầu tư phát triển kinh tế. Cụ thể nhân dân tập trung đầu tư, xây dựng các sa nhả, khu du lịch sinh thái khe có; đặc biệt nhân dân trong xã tập trung chủ yếu cho công tác trồng rừng nguyên liệu như: trồng keo, xoan, lát... một số hộ gia đình trồng rừng đã được khai thác đạt từ 50 triệu đồng trở lên.

Từ đó mức thu nhập bình quân đầu người của xã Tam Đình đã tăng lên đáng kể: Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 là 6.075.437 đồng/người/năm; năm 2013 là 13.622.938 đồng/người/năm; năm 2014 đạt 17.299.988 đồng/người/năm; năm 2015 đạt 19.149.345 đồng/người/năm; năm 2016 đạt 22.137.325 đồng/người/năm; năm 2017 đạt 27.542.000 đồng/người/năm. Tính đến tháng 10/2018 thu nhập bình quân đầu người đạt trên 30 triệu đồng/người/năm. Trong những năm tiếp theo Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Tam Đình tiếp tục phân đầu chỉ đạo sản xuất, phát triển kinh tế để tăng thu nhập cho người dân. *Đạt nội dung của tiêu chí*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 15.971,8 triệu đồng.

c. *Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

## **11. Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo.**

a. *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020  $\leq 5\%$

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Thực hiện chủ trương giảm nghèo, giải quyết việc làm phát triển kinh tế, chuyển dịch kinh tế đúng hướng, kết hợp hiệu quả từ các chính sách hỗ trợ của cấp trên, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đã tạo nên sự chuyển biến tích cực trong công tác giảm nghèo. Được sự hỗ trợ từ Chương trình 134; 135; chương trình 167, chương trình 30a, các tổ chức tài trợ trong huyện và ngoài huyện, tỉnh... Đồng thời thực hiện Đề án của huyện về giúp đỡ hộ nghèo, tổ chức gặp gỡ, đối thoại với hộ nghèo, hộ cận nghèo” tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, tháo gỡ khó khăn, giúp đỡ, động viên các hộ nghèo, thực hiện chính sách vay vốn sản xuất, học bổng cho học sinh nghèo, trợ cấp xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất... bằng nhiều giải pháp thiết thực để người nghèo tham gia phát triển sản xuất, từng bước tạo ra nguồn thu nhập ổn định. Được thể hiện qua kết quả điều tra hộ nghèo hàng năm. Đầu năm 2012 số hộ nghèo của xã là 837 hộ chiếm 81,6%; năm 2013 số hộ nghèo trong toàn xã là 657 hộ chiếm 63,66%, năm 2014 số hộ nghèo trong toàn xã 547 hộ chiếm 52,5%, năm 2015 số hộ nghèo trong toàn xã 307 hộ chiếm 29,1%. Năm 2016 thực hiện điều tra hộ nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn năm 2016-2020, qua kết quả điều tra hộ nghèo cuối năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo 486 hộ chiếm 44,51%, năm 2017 số hộ nghèo trong toàn xã 312 hộ chiếm 28,34%. năm 2018 tỷ lệ hộ nghèo đầu năm toàn xã là 176 hộ, tỷ lệ hộ nghèo còn 28,34 %; Tháng 10 năm

2018 xã tiến hành rà soát hộ nghèo, số hộ nghèo giảm còn 47 hộ (trong đó có 04 hộ thuộc đối tượng bảo trợ xã hội), 43 hộ nghèo/1116 tổng số hộ (đã trừ 04 hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội), tỷ lệ hộ nghèo còn 3,85%; *Đạt nội dung của tiêu chí*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 8.157,4 triệu đồng.

c. *Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

## **12. Tiêu chí số 12 - Lao động có việc làm:**

a. *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động. Đạt.

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Số người trong độ tuổi lao động là 2.188 người, trong đó số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động 2.143 người, chiếm 97,9%. Cụ thể: Lao động nông nghiệp 1.383 người; lao động làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, dịch vụ thương mại và ngành nghề khác 760 người. *Đạt nội dung của tiêu chí*

c. *Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

## **13. Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất.**

a. *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 khi có ít nhất 01 hợp tác xã đạt các yêu cầu sau:

+ Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012;

+ Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã;

+ Kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất hoặc 01 năm tài chính đối với hợp tác xã mới thành lập dưới 02 năm;

+ Có quy mô thành viên lớn (UBND cấp tỉnh quy định cụ thể quy mô này phù hợp với điều kiện của địa phương);

+ Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững khi: Trên địa bàn xã có mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết ổn định tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, hai (02) chu kỳ thu hoạch đối với các sản phẩm khác và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết.

Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, có diện tích sản xuất (đối với trồng trọt, lâm nghiệp), quy mô đàn, sản lượng (đối với chăn nuôi, thủy sản) lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm

năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng tái cơ cấu nông nghiệp của xã.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

\* Trên địa bàn xã đã có 2 HTX hoạt động theo luật 2012: Trong đó:

01 HTX Thủ công mỹ nghệ truyền thống Quang Phúc thành lập năm 2015, có 15 thành viên, đến năm 2017 gia nhập thêm thành viên, đến nay tổng thành viên là: 32. Hoạt động chủ yếu là sản xuất mây tre đan, dệt thổ cẩm; Do HTX nhỏ, nhu cầu về đầu ra, đầu vào gặp nhiều khó khăn, nhưng qua sản xuất kinh doanh hàng năm đều có lãi.

01 HTX NN Thiên Phú, thành lập năm 2018; Ban đầu thành lập có 7 thành viên, chủ yếu chăn nuôi và trồng rừng, đến tháng 10 các hộ có đất ruộng nước đã xin gia nhập HTX để tiến hành trồng Ngô sinh khối bán cho các trang trại, công ty chăn nuôi bò, đến nay tổng thành viên HTX là 110 TV. Đối với HTX Thiên Phú tuy chưa lớn nhưng đã có dịch vụ chuỗi giá trị cung ứng giống, phân và tiêu thụ sản phẩm ngô sinh khối; HTX mới thành lập nên chưa hoạch toán được lỗ-lãi. Trong thời gian tới UBND xã sẽ tạo điều kiện để HTX kinh doanh một số dịch vụ và vận động để nhiều thành viên các bản khác gia nhập HTX.

Hiện nay, trên địa bàn xã đang tiến hành làm thủ tục để thành lập hợp tác xã dịch vụ - du lịch Huổi Cớ gồm có 17 thành viên để phát triển kinh tế tập thể nhằm khai thác tiềm năng tự nhiên sẵn có trên địa bàn.

Sắp tới khi công trình nước sinh hoạt bản Đình Phong và nâng cấp sửa chữa công trình nước bản Quang Yên và Quang Phúc, Quang Thịnh hoàn thành sẽ thành lập HTX dịch vụ nước sinh hoạt.

*Đạt nội dung của tiêu chí.*

\* Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững:

Trên địa bàn xã 2 MH liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đó là:

MH liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ ngô sinh khối tại 2 bản: Quang Phúc và Quang Thịnh;

MH liên kết chăn nuôi gắn với tiêu thụ cá lồng tại bản Đình Phong.

*Đạt nội dung của tiêu chí*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 18.250 triệu đồng.

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

**14. Tiêu chí số 14 - Giáo dục và Đào tạo:**

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đạt

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp) 85%

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo. 40%

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi (đạt)

- Đạt chuẩn phổ cập tiểu học mức độ 3 (đạt)

- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (đạt)

- Huy động trẻ 6 tuổi học lớp 1: 104/104 đạt 100% (đạt).

- Số trẻ nhóm tuổi 11-14 tốt nghiệp 253/258 đạt 98%; 5 em còn lại trong độ tuổi này đang học tiểu học (đạt).

- Huy động học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6 THCS, phổ thông, bổ túc 51/51 đạt tỷ lệ 100 % (đạt).

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 58/60 đạt 96,7% (đạt).

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp THCS (2 hệ) 225/238 đạt 94,5% (đạt).

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) 53/58 đạt 91,4% (đạt).

- Học sinh địa phương theo học nghề, CD, ĐH có 17 em, bên cạnh đó số lao động tại địa phương thường xuyên được đào tạo nghề và cấp chứng chỉ nghề như nghề đan lát mây tre đan, chăn nuôi, trồng trọt, nghề lái xe, nấu ăn, cơ khí, sửa chữa xe máy, ô tô... Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo 996 lao động đạt 46,5%. (đạt)

\* Tổng kinh phí thực hiện: 494,549 triệu đồng.

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

### **15. Tiêu chí số 15 - Y tế.**

*a) Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế. >85% Đạt

- Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Đạt

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) <24,2%.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế 4.461 người, chiếm tỷ lệ 100%. *Đạt nội dung của tiêu chí*

- Trạm Y tế xã được xây dựng cách trung tâm xã 200m, với diện tích khuôn viên là 1.434,4 m<sup>2</sup>, diện tích xây dựng 447.95 m<sup>2</sup> gồm 15 phòng, 14 giường bệnh. Trạm Y tế đặt ở vị trí thuận lợi gần trung tâm xã, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được trang bị tương đối đầy đủ. CBCNV gồm 1 Bác sỹ tăng cường, 2 Y sỹ, 01 điều dưỡng và có 03

nữ hộ sinh tổng hợp. Có đủ trình độ chuyên môn khám và chữa bệnh cho người dân. Ngoài ra còn có mạng lưới y tế bản với số lượng 5/7 bản, hoạt động rất hiệu quả, rất có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn, đã góp phần giảm thiểu và đẩy lùi các loại dịch bệnh nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống cho mọi người dân sống trong toàn xã. Xã Tam Đình được công nhận Xã đạt Chuẩn Quốc gia về Y tế năm 2012. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

- Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thể thấp còi ở địa phương hiện nay là 15.5%. *Đạt theo nội dung tiêu chí.*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 1.199,425 triệu đồng.

c. *Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

## **16. Tiêu chí số 16 - Văn hoá.**

a. *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định. Đạt

b. *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Thực hiện xây dựng xã văn hóa gắn liền với xây dựng nông thôn mới, thời gian qua xã thường xuyên vận động nhân dân thực hiện xây dựng các thiết chế văn hóa, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phát triển tốt, có 3 câu lạc bộ: 02 câu lạc bộ dân ca, dân vũ; 01 câu lạc bộ bóng chuyền hơi người cao tuổi hoạt động thường xuyên. Hiện nay xã có 7/7 bản đạt bản văn hóa chiếm tỷ lệ 100%. Xây dựng gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 82,6%.

c. *Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

## **17. Tiêu chí số 17 - Môi trường và an toàn thực phẩm:**

a. *Yêu cầu của tiêu chí:*

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch theo quy định. Đạt 98% (60% nước sạch).

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. Đạt 100%

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn. Đạt

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch. (*Quy định của UBND tỉnh: Việc mai táng phải thực hiện tại nghĩa trang được quy hoạch và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; Việc mai táng phải đảm bảo vệ sinh môi trường.*)

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Đạt

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. Đạt 85%

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Đạt 70%

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Đạt 100%

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Hiện nay trên địa bàn xã các hộ dân ở các bản sử dụng nguồn nước tự chảy ở các khe suối có 1120/1120 hộ, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó: Có 695/1120 hộ sử dụng nước sạch bằng máy lọc nước RO, đạt 62 % *Đạt nội dung của tiêu chí.*

- Trên địa bàn xã có 4 cơ sở sản xuất kinh doanh ( 2 mỏ khai thác đá vật liệu xây dựng, 1 lò gạch không nung ,1 cây xăng, dầu, ga) và có 52 hộ kinh doanh hàng tạp hóa, buôn bán nhỏ lẻ, dịch vụ hàng ăn uống, giải khát, nuôi trồng thủy sản. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đều có hồ sơ về bảo vệ môi trường, đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt như báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, hàng tháng đều nộp phí đầy đủ. Các cơ sở và hộ gia đình đều đảm bảo về công tác vệ sinh môi trường, không có chất thải nguy hại ra môi trường, không gây ô nhiễm môi trường, đạt tỷ lệ 100%. *Đạt nội dung của tiêu chí*

- Hàng năm UBND xã tổ chức phát động tết trồng cây bóng mát tại các đơn vị trường học, trạm y tế, UBND xã và nhà văn hóa của một số thôn bản. Năm 2018 kết hợp với chương trình NTM về xây dựng hành lang đường điện tại tuyến đường QL7A qua bản Quang Yên, các tổ chức chính trị xã hội đã vận động hội viên trồng được 54 cây săng lẻ 2 bên đường để tạo cảnh quan và bóng mát; Ngoài ra, thứ 2 hàng tuần tại các cơ quan trên địa bàn đã tổ chức cho cán bộ, công nhân viên chức vệ sinh trong khuôn viên cơ quan tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

- Trên địa bàn xã 7/7 bản đều có nghĩa trang được quy hoạch theo phong tục tập quán phù hợp với địa phương. Các nghĩa trang được bố trí hợp lý, cách xa nguồn nước, xa khu dân cư, không gây ô nhiễm môi trường. Đạt và phù hợp với phong tục tập quán của người dân. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

- Vấn đề thu gom và xử lý chất thải:

UBND xã thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nghiêm túc công tác thu gom rác, phân loại rác

Trên địa bàn xã ước tính mỗi ngày người dân thải ra chất thải rắn sinh hoạt khoảng 2,2 tấn, rác này chủ yếu được nhân dân tự thu gom và xử lý bằng cách đốt, chôn lấp. UBND xã thường xuyên lồng ghép trong các cuộc họp dân và cuộc họp tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật để tuyên truyền, vận động người dân thực hiện nghiêm túc công tác phân loại rác và thu gom rác tại nhà.

Do điều kiện địa hình khó khăn, phức tạp nên xã không xây dựng bãi rác tập trung của toàn xã, mà thống nhất bố trí hố rác tập trung cho các bản có vị trí phù hợp. Hiện tại 7/7 bản có hố rác tập trung gồm các bản: Quang Phúc, Quang Yên, Quang Thịnh, Đình Phong, Đình Tiến, Đình Thắng, Đình Hương. Các bản đều đã thành lập

tổ tự quản về BVMT để hướng dẫn nhân dân phân loại rác và vứt rác đúng nơi quy định. Hình thức xử lý rác chủ yếu đốt, rác không phân hủy đem chôn lấp.

Các bản đều có quy định vào ngày thứ 7, chủ nhật hàng tuần huy động nhân dân ra quân dọn dẹp vệ sinh, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh. Để tạo môi trường khu dân cư xanh - sạch - đẹp.

Về chất thải y tế cũng được trạm y tế xã thu gom phân loại và xử lý đúng quy trình của chất thải nguy hại.

Nước thải: Nước thải sinh hoạt trong gia đình tự thoát, tận dụng tưới rau, hoa màu, ngoài ra thoát theo hệ thống mương dọc các tuyến đường, thấm qua đất. Nước thải hộ gia đình không chảy tràn, đổ thải bừa bãi ra đường làng, ngõ xóm, không tạo thành các vũng nước đọng.

Đối với 3 cơ sở sản xuất kinh doanh ( mỏ đá và lò gạch không nung) các cơ sở này cũng có các biện pháp bảo vệ môi trường như: tưới nước khỏi bụi, làm hồ lắng đá bột để khỏi chảy tràn vào ruộng lúa của nhân dân Các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã, do hình thức kinh doanh ở quy mô nhỏ lẻ chủ yếu là bán hàng tạp hóa và một số hàng quán ăn uống, số lượng chất thải không nhiều nên không tổ chức thu gom, các hộ kinh doanh xử lý bằng cách đốt và chôn lấp không gây ảnh hưởng đến môi trường.

*Đạt nội dung của tiêu chí.*

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Do điều kiện kinh tế của các hộ gia đình trên toàn xã không đồng đều nên vấn đề sử dụng các công trình phụ như: Nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước chưa đồng bộ. Một số bản như Đình Tiến, Đình Thắng và Đình Hương nhân dân chủ yếu sử dụng bể nước và nhà tắm công cộng.

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 90%.

Tỷ lệ hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 100%.

*Đạt nội dung của tiêu chí.*

- Tổng số hộ có chăn nuôi gia súc trong toàn xã 806/1.120 hộ, chăn nuôi với số lượng ít, quá trình chăn nuôi đã được các hộ gia đình chú trọng. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn 716/806 hộ, đạt tỷ lệ 88.8%. *Đạt nội dung của tiêu chí.*

- Tổng số hộ sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã là 12 hộ, trong đó các hộ sản xuất kinh doanh các mặt hàng như: Bánh mướt, quán bún, quán cơm... cơ bản các hộ đều tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. 12/12 hộ sản xuất kinh doanh thực hiện theo cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm. *Đạt nội dung của tiêu chí..*

\* Tổng kinh phí thực hiện: 4.746,095 triệu đồng.

c. **Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.**

**18. Tiêu chí số 18 - Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.**



*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn. Đạt
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Đạt
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “*Trong sạch, vững mạnh*”. Đạt
- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên 100%
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Đạt
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội. Đạt

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Xã có đội ngũ cán bộ công chức xã đảm bảo trình độ năng lực, đáp ứng yêu cầu để thực hiện các nhiệm vụ. *Đạt nội dung của tiêu chí*

Hệ thống tổ chức chính trị cơ sở xã gồm:

Hệ thống tổ chức Đảng gồm: Đảng bộ xã và 11 Chi bộ trực thuộc (7 chi bộ bản, 3 chi bộ Trường học, 1 chi bộ Trạm y tế).

Chính quyền: Gồm HĐND, UBND; các ngành: Công an, Quân sự, Văn phòng - Thống kê, Tư pháp - Hộ tịch, Tài chính - Kế toán, Địa chính - Xây dựng, Văn hoá - Thông tin, Chính sách - xã hội, có 17 đồng chí cán bộ bán chuyên trách đang làm việc tại xã và 7 trưởng bản;

Đoàn thể chính trị - xã hội: Gồm MTTQ, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và các chi hội ở 7 bản;

Hệ thống tổ chức chính trị cơ sở ở xã đáp ứng các nội dung yêu cầu của tiêu chí. *Đạt nội dung của tiêu chí*

Đảng bộ, chính quyền xã trong 6 năm liền từ năm 2012 - 2017 đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu, Chính quyền xuất sắc. Năm 2018 tiếp tục phát huy để giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu. *Đạt nội dung của tiêu chí*

100% các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo các đoàn thể đảm bảo trình độ năng lực, uy tín. *Đạt nội dung của tiêu chí*

UBND xã thành lập Ban tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật hoạt động thường xuyên, có hiệu quả. Tuyên truyền theo quý, mỗi năm có 4 quý, hàng quý tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tại hội trường 7/7 bản. Đối với những nội dung cần thực hiện ngay thì tổ chức họp dân để phổ biến, hoặc lồng ghép trong các cuộc họp tại bản. 7/7 bản đều được tiếp cận pháp luật đảm bảo thường xuyên và liên tục. Vì vậy công tác tiếp cận pháp luật được đảm bảo. *Đạt nội dung của tiêu chí*

UBND xã đã thành lập Ban vì sự tiến bộ phụ nữ do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban, đồng chí Chủ tịch Hội phụ nữ làm phó ban và các thành

viên, nội dung hoạt động của Ban đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình. Phối hợp với Ban tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, hàng quý tuyên truyền Luật phòng chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới đến tận người dân 7/7 bản. Trên địa bàn xã không có trường hợp bạo lực nguy hiểm xảy ra.

Ngoài ra UBMT Tổ quốc xã thành lập ban hòa giải do đồng chí Chủ tịch mặt trận làm trưởng ban, phó ban và các thành viên, mục đích hoạt động của Ban để giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp xảy ra trên địa bàn xã.

Do công tác tuyên truyền thường xuyên liên tục, kịp thời động viên ngăn chặn không để mâu thuẫn, bất hòa kéo dài nên vấn đề bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình luôn được đảm. Ngoài ra còn làm tốt công tác động viên, hỗ trợ cho các đối tượng dễ bị tổn thương như: người tàn tật, người không nơi nương tựa, người mắc bệnh xã hội, trẻ em mồ côi.v.v. để họ sống hòa nhập với cộng đồng. *Đạt nội dung của tiêu chí*

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

### **19. Tiêu chí số 19 - Quốc phòng và An ninh.**

*a. Yêu cầu của tiêu chí:*

- Xây dựng lực lượng dân quân “*vững mạnh, rộng khắp*” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Đạt

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: Không có khiếu kiện đông người; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

*b. Kết quả thực hiện tiêu chí:*

\* Xây dựng lực lượng dân quân “*vững mạnh, rộng khắp*” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Cụ thể như sau:

Xây dựng Ban chỉ huy quân sự và dân quân xã:

- Số lượng cán bộ:

+ Có 01 Chỉ huy trưởng là thành viên Ủy ban nhân dân xã; 02 Chỉ huy phó, 01 Chính trị viên, 01 Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm.

+ Trình độ chuyên môn: Chỉ huy trưởng được đào tạo Trung cấp quân sự, 01 Chỉ huy phó được đào tạo sơ cấp quân sự, 01 Chỉ huy phó đang đào tạo đại học quân sự địa phương. Hằng năm đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn;

- Nơi làm việc của Ban Chỉ huy quân sự xã: Ban Chỉ huy quân sự có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật; cán bộ Ban Chỉ huy quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Trưởng, Phó Ban Chỉ huy quân sự được hưởng chế độ, chính sách và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định của pháp luật.

- Chất lượng chính trị: Đảng viên trong dân quân nòng cốt là 21/64, đạt tỷ lệ 32,8%; hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định;

- Có 07 thôn đội trưởng, 03 tiểu đội trưởng, 01 trung đội trưởng dân quân cơ động. Tổng có 10/11 đ/c là đảng viên.

Xây dựng lực lượng dân quân “*Vững mạnh, rộng khắp*”:

- Tổ chức xây dựng lực lượng, biên chế, trang bị:

+ Tổ chức biên chế đơn vị dân quân tự vệ theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 33/2016/TT-BQP ngày 29/3/2016 hướng dẫn một số điều của Luật Dân quân tự vệ và Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

+ Hằng năm, Ban chỉ huy Quân sự tham mưu cho UBND xã tổ chức lễ kết nạp dân quân mới và trao quyết định công nhận dân quân nòng cốt đã hoàn thành nhiệm vụ. Cụ thể: kết nạp dân quân mới được 16 đ/c và hoàn thành nhiệm vụ 16 đ/c.

+ Được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ theo Thông tư số 65/TT-BQP ngày 16/5/2016 của Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn về trang bị, quản lý sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ của dân quân tự vệ.

- Hằng năm các đối tượng dân quân đều được giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự theo nội dung, thời gian, chương trình quy định tại Thông tư số 02/2016/TT-BQP ngày 08/01/2016 của Bộ Quốc phòng.

- Xã đã ban hành quy định việc phối hợp của Dân quân tự vệ với lực lượng bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng, chống cháy rừng.

Hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng:

- Có đầy đủ các kế hoạch theo quy định tại Thông tư số 108/2016/TT-BQP ngày 16/7/2016 của Bộ Quốc phòng.

- Xã thường xuyên tuyên truyền vận động và triển khai thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hằng năm theo chỉ tiêu Chủ tịch UBND cấp huyện giao, đảm bảo số lượng và chất lượng

- Qua các năm 100% quân nhân hoàn thành nhiệm vụ ở đơn vị thường trực về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ.

- 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao, sẵn sàng động viên khi có lệnh.

- Hằng năm tổ chức tốt trình tự, thủ tục công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, đăng ký nghĩa vụ quân sự và lập danh sách báo cáo Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện theo quy định của pháp luật.

- Có danh sách lực lượng dân quân làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn; sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác được giao gồm 31 đ/c.

- Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho lực lượng vũ trang và nhân dân, công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội; tổ chức cho dân quân tự vệ, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện.

#### *Đạt nội dung của tiêu chí*

- Xã được đánh giá đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước. Cụ thể:

+ Hằng năm, Đảng ủy có nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Năm 2018 đã xây dựng được mô hình “**Tiếng kèng bình yên**” tại bản Quang Thịnh và hoạt động thường xuyên có hiệu quả, góp phần đảm bảo tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Trong thời gian tới xã sẽ nhân rộng mô hình này ra các bản khác trong xã.

+ Không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật, như: Lôi kéo, tụ tập nhiều người cùng đến các cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề về quyền lợi bị vi phạm hay có liên quan đến việc thực thi chính sách, pháp luật, môi trường, quản lý sử dụng đất đai... gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

+ Trên địa bàn không để xảy ra vụ án hình sự về tội phạm; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

+ Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút...) và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước.

+ Hằng năm thực hiện số theo Quyết định số 79/2012/QĐ-UBND ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh Nghệ An xã đều được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự và không thuộc xã trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự.

+ Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Công an. Năm 2015, 2016 Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu đơn vị quyết thắng; Năm 2016 được Bộ Công an tặng Bằng khen về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; Năm 2017 đạt đơn vị tiên tiến.

#### *Đạt nội dung của tiêu chí.*

*c. Đánh giá: Đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

### **3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới**

Đến nay xã Tam Đình không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** Đầy đủ hồ sơ theo quy định.

**2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới**

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Tam Đình đã được Hội đồng thẩm định huyện thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

## **III. KIẾN NGHỊ**

Đề nghị UBND tỉnh, Hội đồng thẩm định các tiêu chí nông thôn mới tỉnh xem xét, thẩm định và công nhận xã Tam Đình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018./.

### ***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;
- VP ĐP NTM tỉnh;
- HĐ thẩm định NTM tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBND các xã, Thị trấn;
- Các tổ chức Chính trị-Xã hội cấp huyện;
- Chánh, PCVP UBND huyện;
- Lưu VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Kha Văn Ót**

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA  
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**Của xã Tam Đình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An**

*(Kèm theo Báo cáo số: 341/BC-UBND ngày 29/11/2018 của UBND huyện Tương Dương)*

**I. QUY HOẠCH**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã [1] được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

**II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ Km đạt 100%		Đạt 100%	Đạt 100%
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ Km đạt >50%		Đạt 92,3%	Đạt 92,3%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Tỷ lệ km đạt 100% (đạt tỷ lệ >50% cứng hóa)		Đạt 81,1% cứng hóa	Đạt 81,1% cứng hóa
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ km đạt >70%		Đạt 100%	Đạt 100%
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Có tối thiểu 80% diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động		Đạt 100%	Đạt 100%
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	98%	≥98%	Đạt 100%	Đạt 100%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	80%	≥80%	100%	100%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	<p>1. Diện tích đất quy hoạch:</p> <p>a) Khu hội trường văn hóa đa năng &gt;200m<sup>2</sup></p> <p>b) Khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động) &gt; 500 m<sup>2</sup></p> <p>c) Diện tích sân vận động (Không tính diện tích sân khác) &gt; 40x50m.</p> <p>2. Quy mô xây dựng: Hội trường văn hóa đa năng 100 chỗ ngồi trở lên; Có 4 phòng chức năng</p> <p>3. Trang thiết bị:</p> <p>a) Hội trường văn hóa đa năng có đủ: Bàn; ghế, giá tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh: Đạt 80% trở lên</p> <p>b) Sân vận động: Có bờ kè, bờ bao, hệ thống thoát nước và sân khấu ngoài trời mặt sân: Đảm bảo</p>		Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định[2]	<p>Tính tổng gộp trong một nội dung gắn liền trong mục cơ sở vật chất văn hóa của Trung tâm Văn hóa xã: Đạt</p>		Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	Đạt 100%	Đạt 100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn [3]	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	<p>Đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định 4800/QĐ-BTC ngày 08/12/2016 của Bộ Công thương</p>		Đạt	Đạt

8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Mỗi xã ít nhất 1 điểm	Đạt	Đạt	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Tất cả các thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông và internet, hoặc có ít nhất một điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng điện thoại và internet	Đạt	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Có 100% Đài truyền thanh xã và hệ thống loa đến các bản, trong đó có 70% bản có hệ thống loa kết nối đến Đài truyền thanh xã. Các bản còn lại có loa truyền thanh riêng	Đạt	Đạt	
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	1. Có trang thông tin điện tử của xã để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến 2. Đảng ủy, HĐND, UBND, các tổ chức chính trị - xã hội có máy tính kết nối mạng LAN, internet băng rộng phục vụ công tác 3. Các trường học, Trạm y tế có máy tính kết nối internet băng rộng để phục vụ công tác giảng dạy và khám chữa bệnh 4. Có ít nhất 2/3 cán bộ, công chức xã theo quy định [4] sử dụng máy trong công tác quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ	Đạt	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	80%	≥80%	Đạt 90,6%	Đạt 90,6%



### III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2017 (triệu đồng/người)	$\geq 34$	$\geq 30$	Đạt 30	Đạt 30
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	$\leq 6\%$	$\leq 5\%$	3,85%	3,85%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 90\%$	Đạt	Đạt 97,9%	Đạt 97,9%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

### IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	85%	$\geq 85\%$	Đạt 91,4%	Đạt 91,4%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	40%	$\geq 40\%$	Đạt 46,5%	Đạt 46,5%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 85\%$	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	21,8%	$\leq 24,2\%$	Đạt 15,5%	Đạt 15,5%
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	$\geq 70\%$	Đạt	Đạt 100%	Đạt 100%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 95\%$ (% nước sạch)	$\geq 98\%$ ( $\geq 60\%$ nước sạch)	Đạt 100% (62% nước sạch)	Đạt 100% (62% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%	100%

17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	1. Việc mai táng phải thực hiện tại nghĩa trang được quy hoạch và phù hợp với phong tục tập quán của địa phương 2. Việc mai táng phải đảm bảo vệ sinh môi trường		Đạt	Đạt
17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch [5]	≥85%	≥85%	Đạt 90%	Đạt 90%
17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥70%	≥70%	Đạt 88.8%	Đạt 88.8%
17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Đạt 100%	Đạt 100%

## V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

[1] Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

[2] Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

[3] Đối với xã chưa có hoặc không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Trường hợp xã có cơ sở hạ tầng thương mại trong quy hoạch nhưng do nhu cầu thực tế chưa đầu tư xây dựng hoặc xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch thì sẽ không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng nông thôn.

[4] Tại điều 4, Nghị định 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã/phường/thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

[5] Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).